

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-4-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền

Ông Dương Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Định - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 06/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1999; Nơi ĐkHKTT: Thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:* Chị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn ngày 28/6/2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là UBND xã V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang số 38/2019. Sau khi kết hôn chị T về sinh sống cùng anh T1 và gia đình anh T1 tại thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong

quan điểm sống, nên thường xảy ra cãi nhau. Mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn, anh T1 có lời nói xúc phạm chị, thậm chí có lần anh T1 đánh chị. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Từ tháng 9/2023 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị T ở thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang sinh sống và ly thân với anh T1. Từ khi anh chị ly thân đến nay chị T và anh T1 không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, anh T1 và gia đình anh T1 cũng có gọi chị T quay về chung sống cùng anh T1 để nuôi dạy con cái nhưng chị T không quay về. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kiều M, sinh ngày 05/02/2020. Hiện nay con chung đang ở cùng nhà với anh T1. Nay ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Ngọc Kiều M cho anh T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh T1 xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng nhau hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 9/2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có bất đồng trong quan điểm sống, chị T đi học nghề làm đẹp và móng mi nên vợ chồng có hiểu lầm và xảy ra cãi nhau. Sau đó chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị T ở L và sống ly thân với anh từ tháng 9/2023 đến nay. Anh T1 đã gọi chị T quay về chung sống cùng anh nhiều lần nhưng chị T không quay về. Gia đình hai bên đã hòa giải dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay anh T1 xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, chị T xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn với chị T. Anh mong muốn và đề nghị Tòa án hòa giải cho chị T quay về đoàn tụ chung sống cùng anh nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện nay cháu M đang ở cùng với anh, đời sống của cháu được đảm bảo, cháu học tập và phát triển tốt. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh thì anh đồng ý với ý kiến của chị T về con chung và đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Ngọc Kiều M cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trường hợp Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố đơn xin xét xử vắng mặt, lời

khai của nguyên đơn, của bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Kiều M, sinh ngày 05/02/2020 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T được thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T1, anh T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là UBND xã V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T1 đều xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể giải quyết, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Anh T1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải giữa 2 bên, mặc dù anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh T1 cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án tiến hành xác minh với đại diện chính quyền thôn C, xã V nơi chị T, và anh T1 chung sống; xác minh với bà Nguyễn Thị H – là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T1: Kết quả đều xác nhận anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị T quá trình chung sống cùng nhau có phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2023. Vợ chồng chị T và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng anh T1 và chị T vẫn sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm, hai bên không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau.

Xét thấy: Vợ chồng chị T, anh T1 đã sống ly thân một thời gian dài, hai bên không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T1 có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kiều M, sinh ngày 05/02/2020, hiện cháu M đang được anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, đời sống được đảm bảo, cháu học tập và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn cả chị T và anh T1 đều có nguyện vọng giao con chung cho anh T1 tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, cần giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Kiều M cho anh Nguyễn Văn T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T và anh T1 không yêu cầu, đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T và anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa nên anh, chị có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Kiều M, sinh ngày 05/02/2020.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001568 ngày 02/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hiền

Dương Văn Toàn

Nguyễn Linh Chi